

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Bi.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Trúc L, sinh năm 1990 (Có mặt);

Hộ khẩu thường trú: Ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp T2, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Trúc L trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2009, chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2019, hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay

ghen tuông vô cớ. Chị L đã cố gắng giải thích và hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Chị L và anh T đã sống ly thân gần một năm cho đến thời điểm hiện tại. Trong thời gian sống ly thân, anh T có đến thăm con nhưng không có ý định hàn gắn tình cảm. Ngoài ra, gia đình anh T còn gây áp lực dẫn đến việc chị L nộp đơn ly hôn. Nay chị L nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên Lê Thanh V, sinh ngày 08/5/2010. Hiện tại cháu V đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị L không còn yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Thanh T trình bày:

Anh T thống nhất lời trình bày của chị L về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị L. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn là do từ tháng 3 năm 2019, chị L thường xuyên đi khỏi nhà nhưng không báo cho anh T biết, anh T nhiều lần khuyên can nhưng không có kết quả, thậm chí vợ chồng còn phát sinh cự cãi. Anh T thừa nhận anh và chị L đã sống ly thân gần một năm cho đến hiện tại nhưng anh T vẫn còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là cháu Lê Thanh V, hiện đang sống với chị L đúng như chị L trình bày. Nếu phải ly hôn theo quyết định của Tòa án, anh T không đồng ý giao con cho chị L mà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn Tuấn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Trúc L.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Thanh V, sinh ngày 08/5/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị Trúc L yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Thanh T có nơi cư trú tại ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Lê Thanh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tân Thới cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 10/3/2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Chị L cho rằng anh T hay ghen tuông vô cớ, anh T lại cho rằng chị L thường xuyên đi khỏi nhà không cho anh T biết lý do. Giữa chị L và anh T không tự hàn gắn được và dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân gần một năm nay.

Thấy rằng, giữa chị L và anh T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Lê Thanh V, sinh ngày 08/5/2010. Cả chị L và anh T đều có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu bên còn lại thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng, chị L và anh T đã sống ly thân 01 năm, trong thời gian sống ly thân và cho đến nay cháu V vẫn đang sống chung với chị L, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu nên cần thiết giao cháu V cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V là muốn được sống với chị L. Nếu sau này anh T

và chị L có thay đổi hoàn cảnh và có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Trúc L, cho chị L được ly hôn với anh Lê Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh V, sinh ngày 08/5/2010 cho chị Võ Thị Trúc L tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 49388 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị L đã nộp xong án phí.

Anh T không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm